



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP ILA

Ngày 31/12/2025	6,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.2%	-4.2%	53.3%

DT thuần Q4/25
22.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.80 63.2%

LN thuần Q4/25
-11.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.13 -461%

LN sau thuế Q4/25
-11.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.04 -418%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-7.7%
YoY: +/- ▼ 11.5%

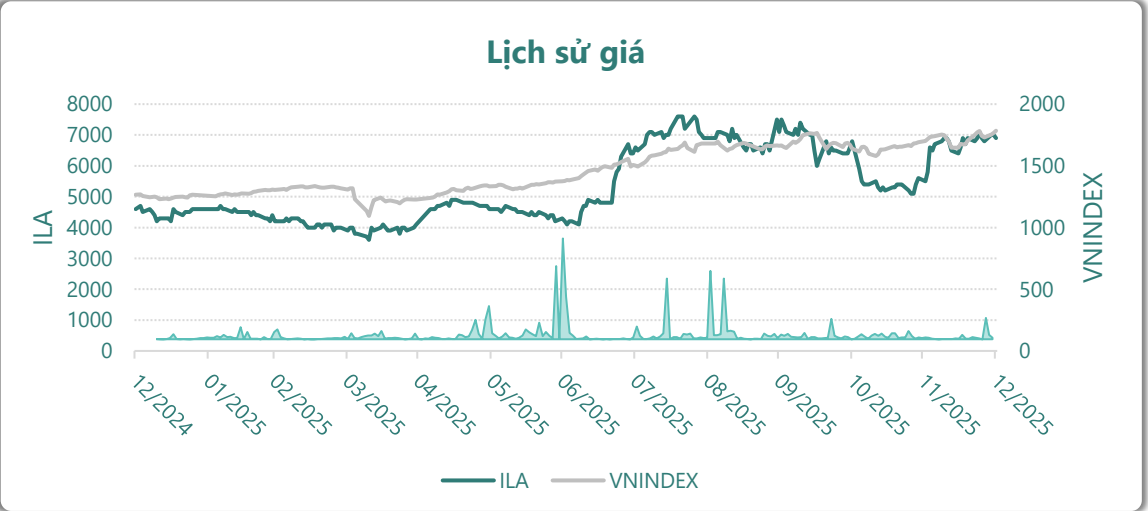
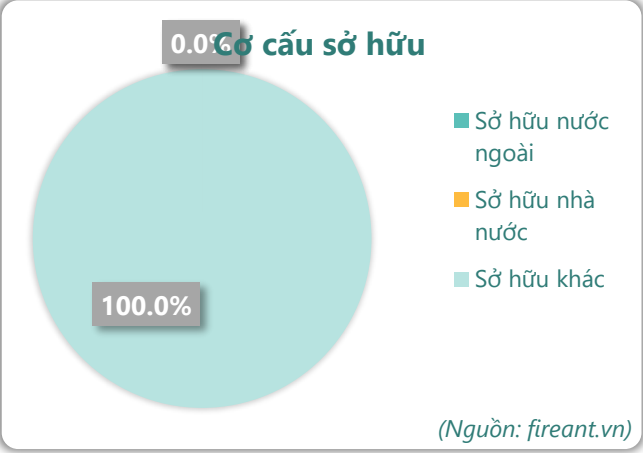
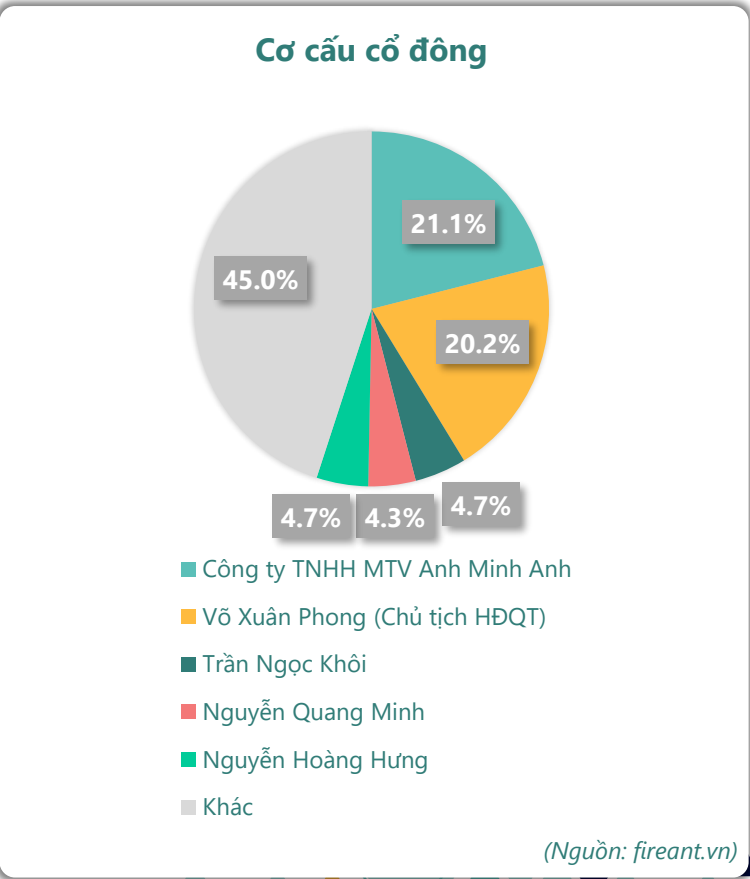
ROE 2025
-7.0%
YoY: +/- ▼ 6.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 7,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
Số lượng CPLH (CP)	19,641,431
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,550
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.51)
EPS	-710
P/E	-9.7

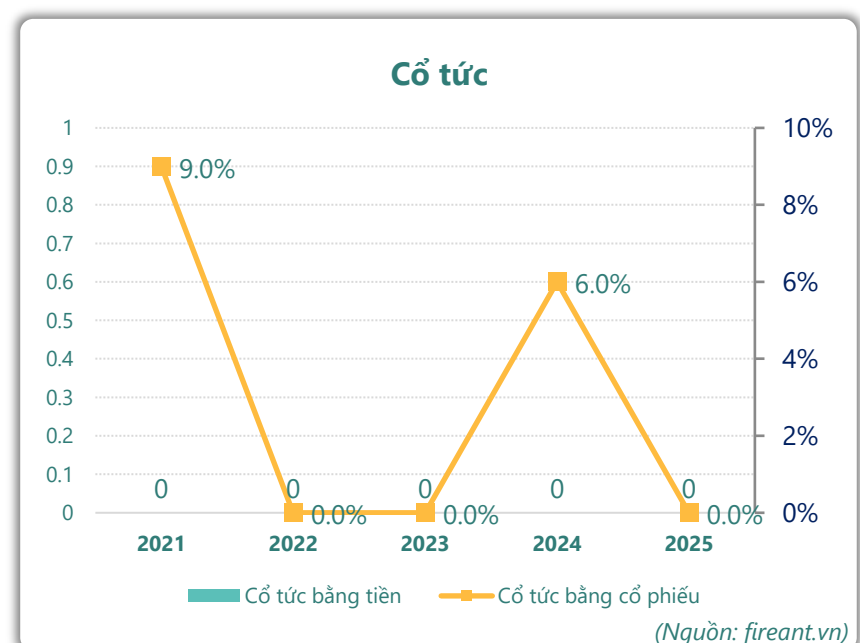
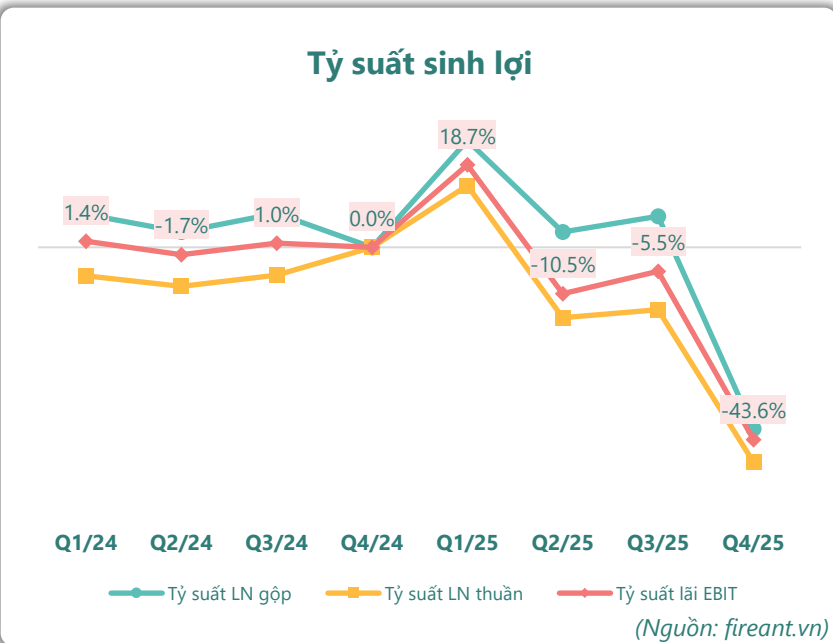
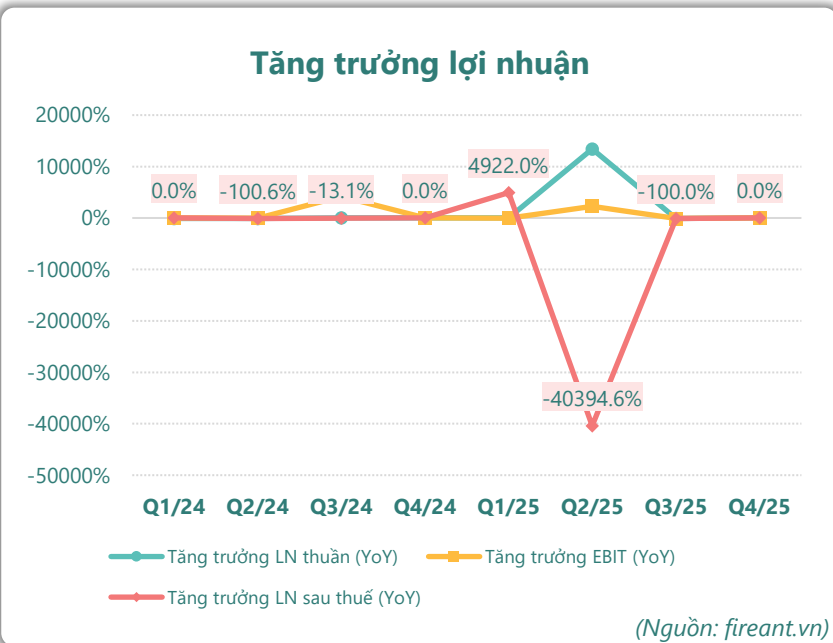
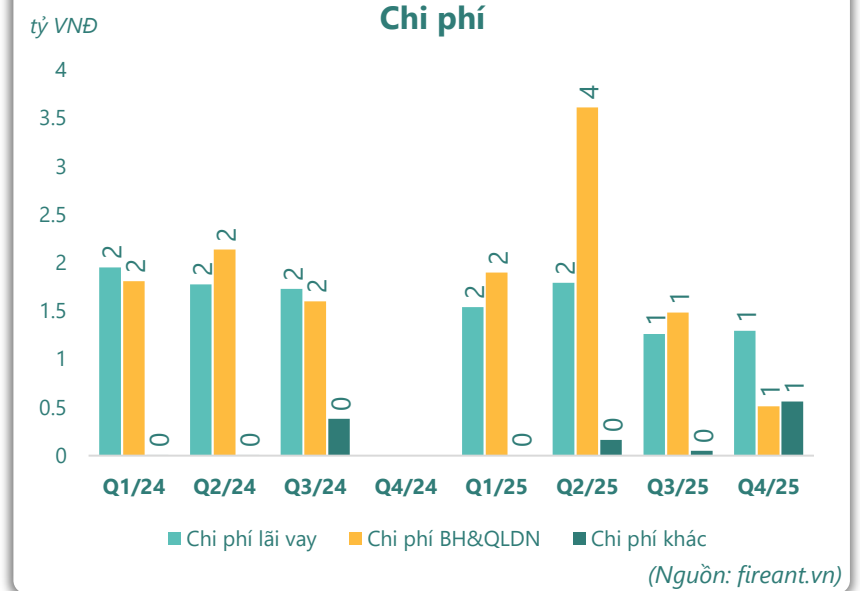
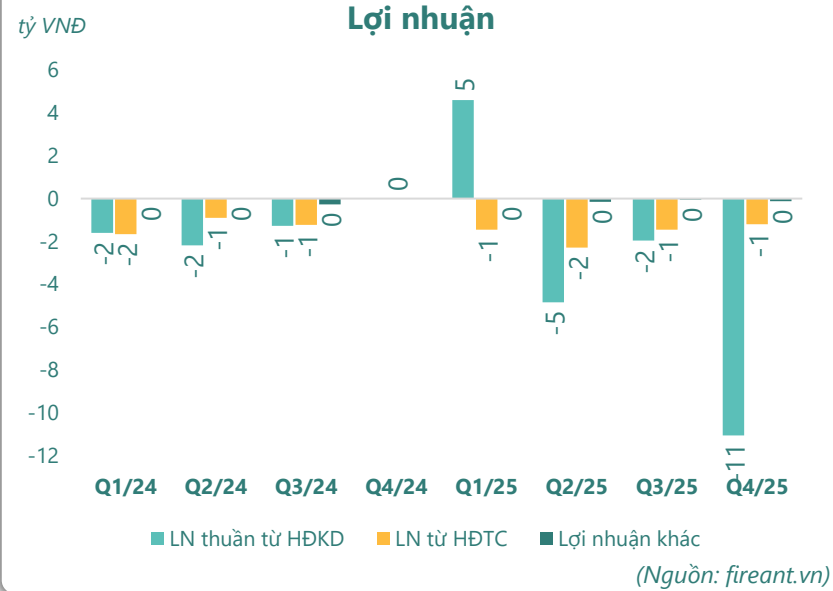
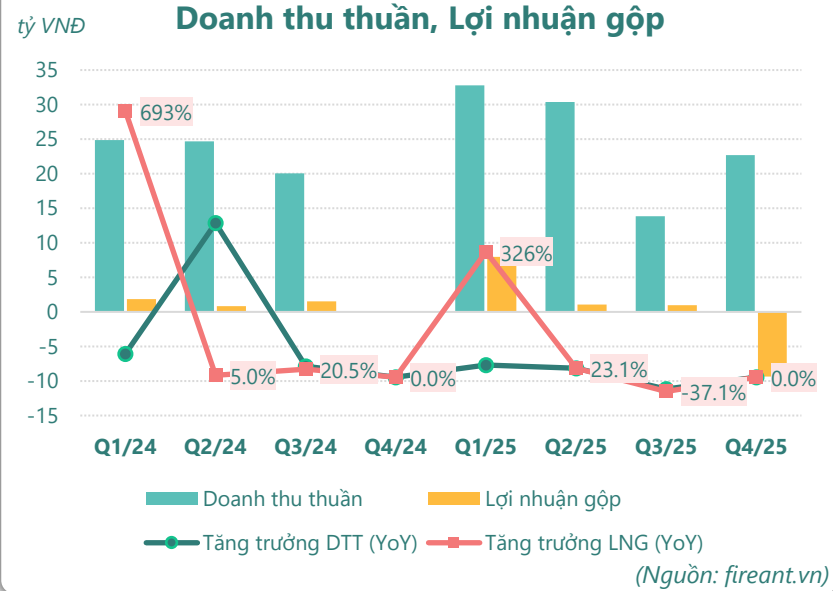
DT thuần 2025
99.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼39.3 -28.5%

LN thuần 2025
-13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.8 -791%

LN sau thuế 2025
-14.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.1 -586%



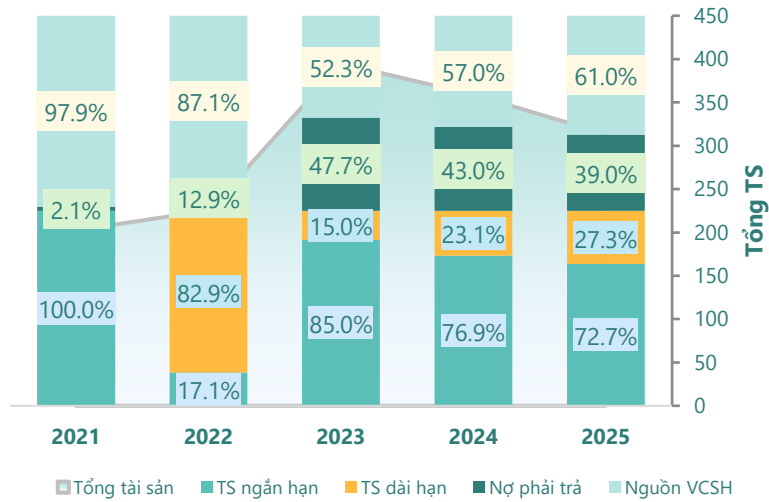
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

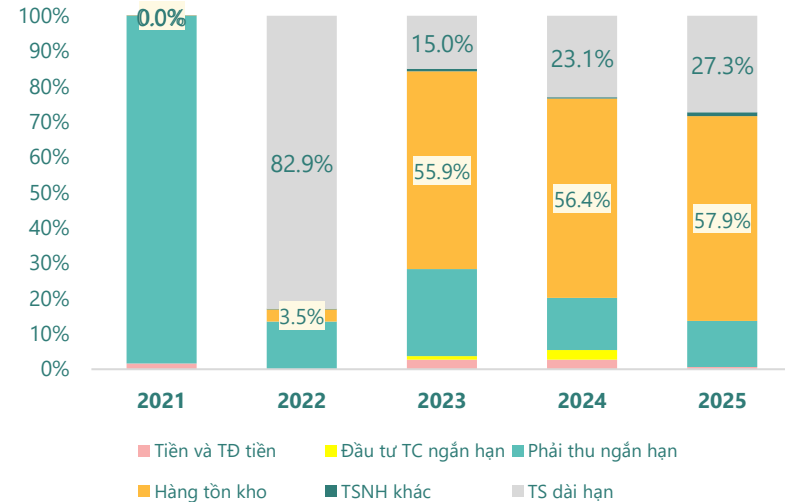
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

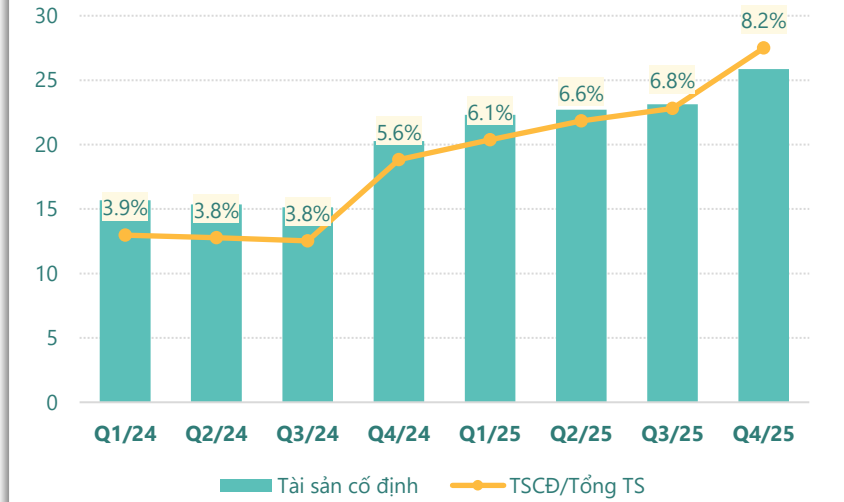
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

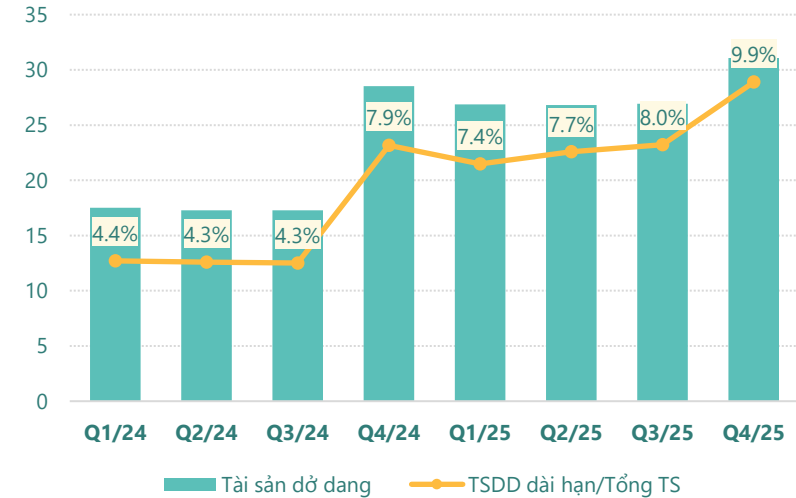
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

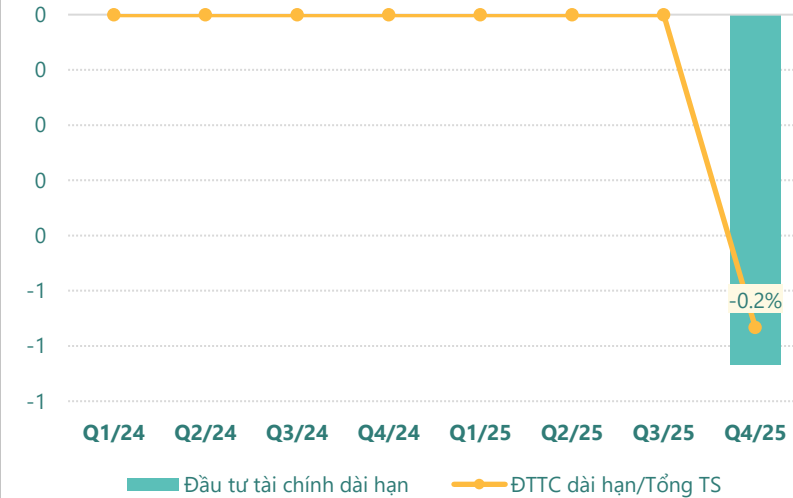
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

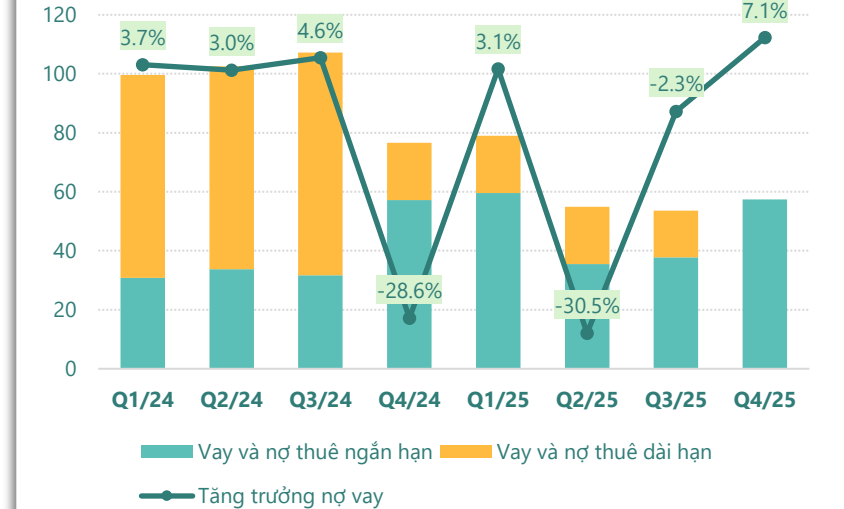
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

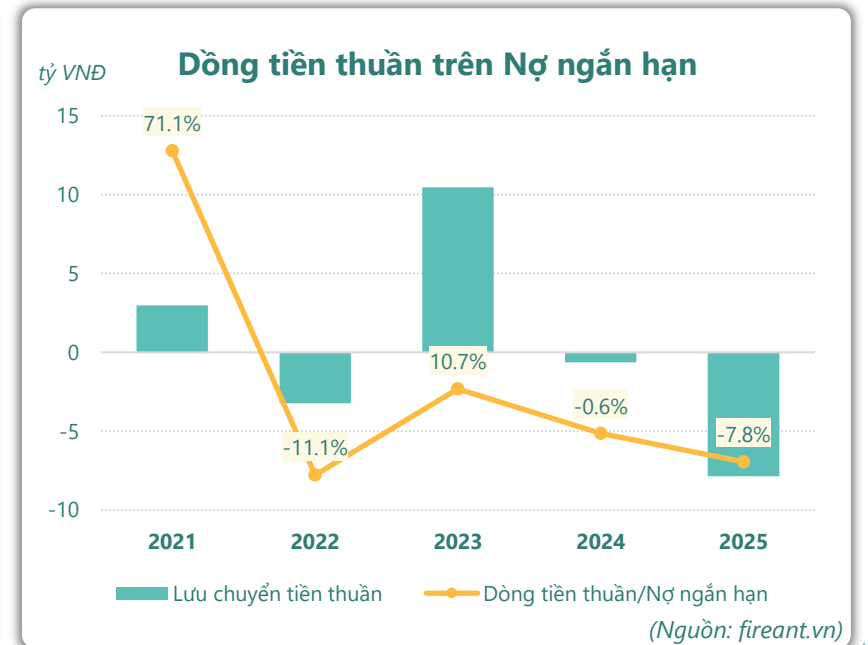
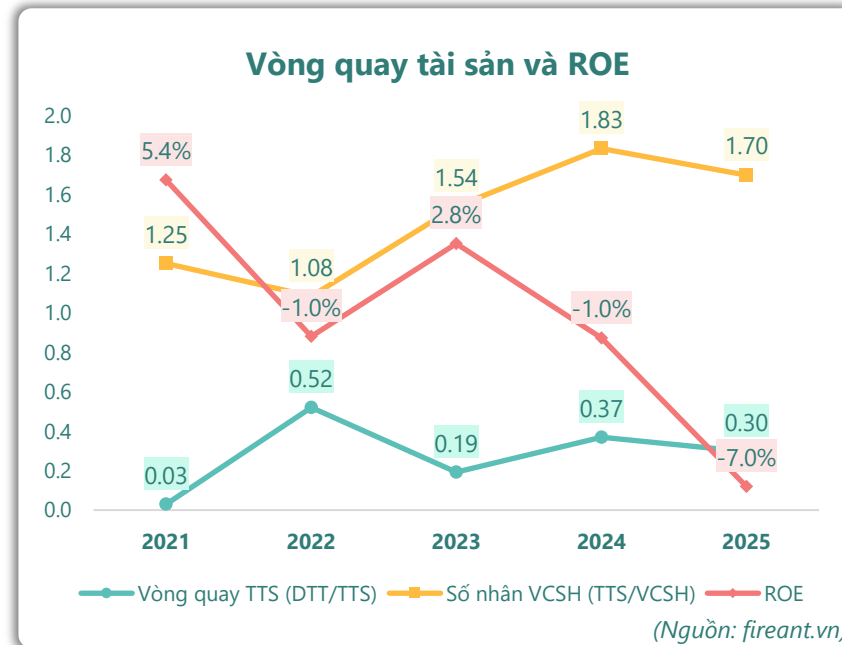
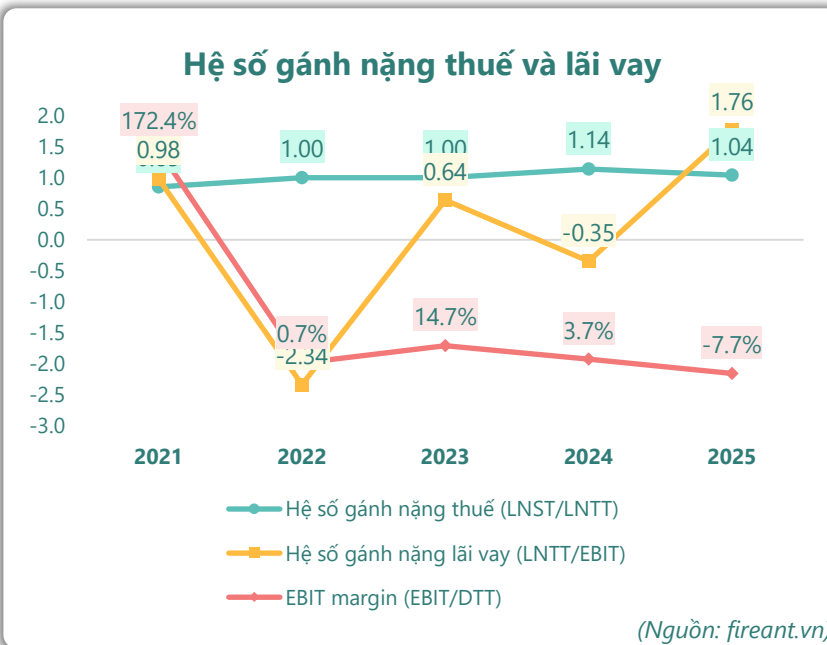
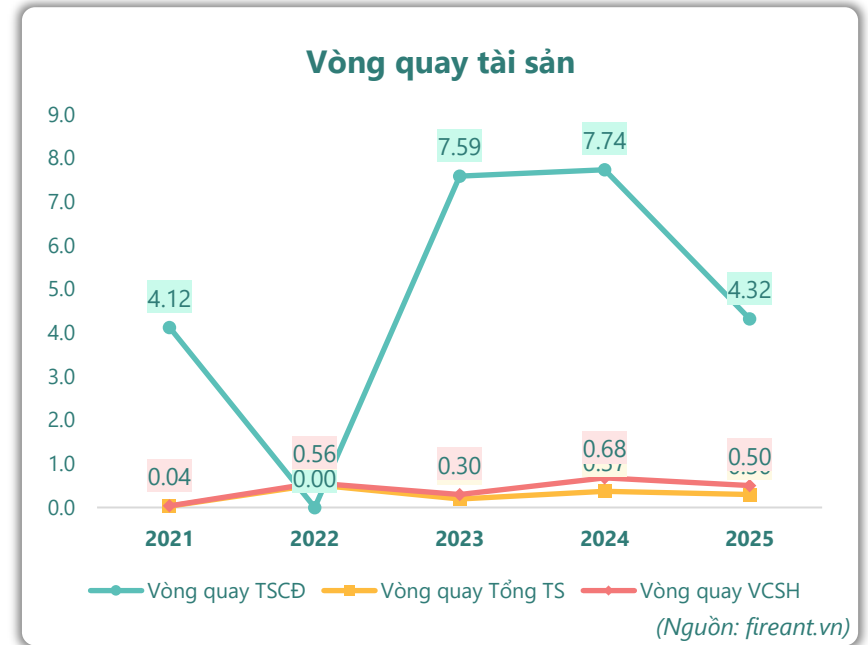
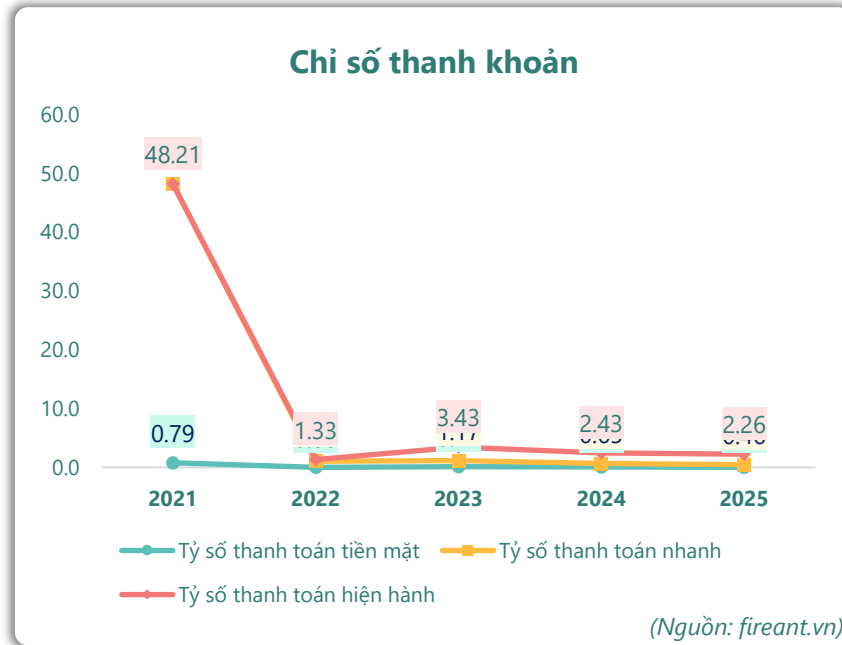
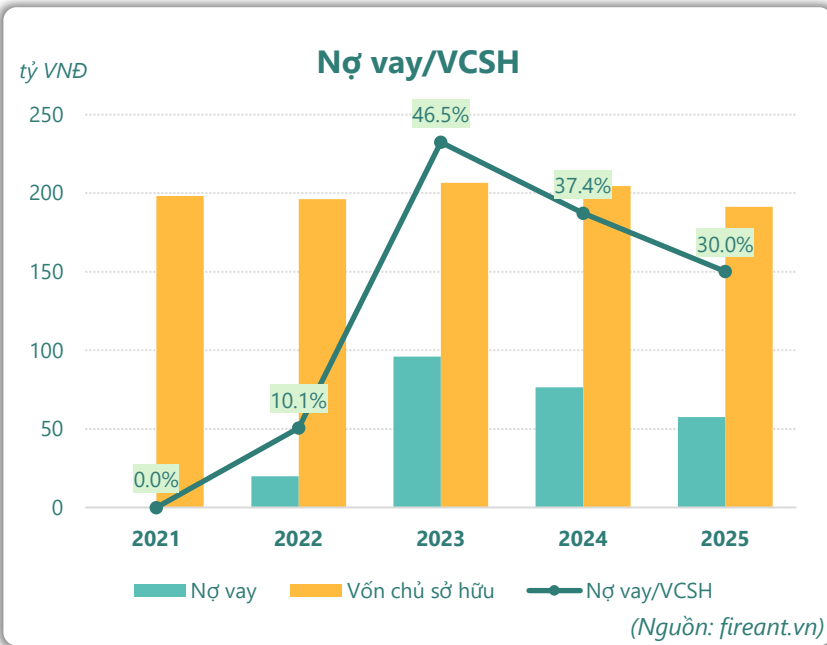
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	22.7			99.7	139	-28.5%
Giá vốn hàng bán	32.0			99.1	126	-21.6%
Lợi nhuận gộp	-9.34			0.62	13.0	-95.2%
Doanh thu HĐTC	0.09			0.35	1.85	-81.3%
Chi phí TC	1.30			6.74	7.03	-4.2%
Chi phí lãi vay	1.30			5.89	7.03	-16.2%
LN trong công ty LKLD	0			0	0	
Chi phí bán hàng	0.01			0.40	0.73	-45.5%
Chi phí QLDN	0.50			7.11	8.61	-17.4%
LN thuần từ HĐKD	-11.1			-13.3	-1.49	-791%
Lợi nhuận khác	-0.13			-0.33	-0.32	-1.9%
LN trước thuế	-11.2			-13.6	-1.81	-651%
Lợi nhuận sau thuế	-11.2			-14.2	-2.07	-586%
LNST của CĐ cty mẹ	-11.0			-13.9	-2.09	-567%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.89	0	-9.72	-5.04	-24.6	49.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.41	0	-0.65	16.9	21.5	-36.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.67	0	2.39	-11.7	2.68	-12.5
Tiền đầu kỳ	10.6	0	9.90	1.92	2.04	1.66
Lưu chuyển tiền thuần	-0.81	0	-7.98	0.12	-0.38	0.39
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.78	0	1.92	2.04	1.66	2.04

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	314	359	-12.6%
Tài sản ngắn hạn	228	276	-17.5%
Tiền và tương đương tiền	2.04	9.90	-79.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	9.73	-100%
Phải thu ngắn hạn	40.8	53.0	-23.0%
Hàng tồn kho	182	202	-10.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.45	1.13	206%
Tài sản dài hạn	85.8	82.8	3.6%
Phải thu dài hạn	0	10.6	-100%
Tài sản cố định	25.9	20.3	27.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	31.1	28.5	8.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	-0.63	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.20	-100%
Lợi thế thương mại	29.5	23.2	26.8%
Nợ phải trả	122	154	-20.8%
Nợ ngắn hạn	101	113	-11.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.4	57.2	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.9	26.6	-29.0%
Nợ dài hạn	21.5	41.0	-47.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	19.4	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	191	205	-6.4%
Vốn chủ sở hữu	191	205	-6.4%
Vốn điều lệ	196	196	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

